

CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH

Số 25B, Đ. Lê Ninh, P. Quán Bàu, TP. Vinh, Nghệ An

ĐT: 02383 853 157-Fax: 02383 854 806



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2017



Nghệ An, tháng 2 năm 2018

**Ý kiến của Ban kiểm soát
về Báo cáo thường niên năm 2017
của Công ty CP TTHH ĐS Vinh**

Kính gửi: Ông Chủ tịch HĐQT Công ty CP TTHH ĐS Vinh.

Qua xem xét, đối chiếu số liệu Báo cáo thường niên năm 2017 do phòng Tài chính kế toán Công ty lập và kết quả kiểm toán độc lập do Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam thông báo. Ban kiểm soát Công ty thống nhất với các số liệu trong báo cáo thường niên năm 2017.

Nghệ An, Ngày 06 tháng 03 năm 2018

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Quốc Kỳ

**PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH
Năm 2017**

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: **2900383711**, đăng ký lần đầu ngày 30/05/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/01/2016.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **13.138.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **13.138.000.000** đồng
- Địa chỉ/ *Address*: **Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**
- Số điện thoại/ *Telephone*: **0238 3853 157.**
- Số fax/ *Fax*: **0238 3854 806.**
- Website: **<http://visitec.vn/>**
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: **TTV**

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:

• Giai đoạn trước năm 1998:

Ngày 01/07/1989, Xí nghiệp TTTH ĐS Vinh được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở chia tách Xí nghiệp TTTH Đường sắt II Hà Nội; quản lý toàn bộ thiết bị

TTTH, tuyến đường dây trần trực chính từ Km 136+200 khu gian Đồng Giao - Bím Sơn đến Km 521+600 (Bắc ga Đồng Hới) và tuyến Cầu Giát - Nghĩa Đàn.

Xí nghiệp TTTH ĐS Vinh là tổ chức sản xuất kinh doanh hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế nội bộ theo quy định của Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1.

Ngày 30/05/1996, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1208 - QĐ/TCCB-LĐ chuyển các Xí nghiệp TTTH Đường sắt trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1 - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành đơn vị sự nghiệp kinh tế và hoạt động theo mô hình này đến năm 1998.

- **Giai đoạn từ năm 1998 đến 2003:**

Thực hiện Nghị định 50/CP ngày 28/08/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước, liên hiệp Đường sắt Việt Nam ban hành Quyết định số 885/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 chuyển Xí nghiệp TTTH Đường sắt Vinh thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

- **Giai đoạn từ năm 2003 đến 2010:**

Ngày 20/03/2003, Bộ GTVT ban hành Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT đổi tên thành Xí nghiệp TTTH Đường sắt Vinh thành Công ty TTTH đường sắt Vinh.

- **Giai đoạn từ năm 2010 đến 2015:**

Công ty TTTH Đường sắt Vinh được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 720/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Chủ sở hữu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý và nắm giữ 100% vốn Điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- **Giai đoạn từ tháng 01/2016 đến nay:**

Công ty TNHH MTV thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh chuyển thành Công ty cổ phần Thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh căn cứ theo Quyết định số 3903/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tin hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tin hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông, tin hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học; Công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình điện dân dụng, chiếu sáng; xây dựng lắp đặt thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng và công nghiệp, hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét đường dây và trạm biến áp; chế tạo và sửa chữa thiết bị phụ tùng, sản xuất buôn bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin, tin hiệu, điện, viễn thông, tin học, tin hiệu giao thông.	4290
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn khảo sát thiết kế; Thẩm tra thẩm định báo cáo đầu tư, thẩm tra thẩm định khảo sát thiết kế, thẩm tra thẩm định dự toán; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện lắp đặt thiết bị công nghệ công trình chuyên ngành thông tin tin hiệu, điều khiển, điện.	7110
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình giao thông và chuyên ngành viễn thông, tin hiệu, điều khiển và điện.	7120
5	Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7911
6	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: dịch vụ ăn uống.	5610
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe con, xe 15 chỗ.	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thương mại cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tín hiệu và truyền thông; Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, dịch vụ tin học theo quy định của pháp luật.	6209
13	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý mạng điện và phân phối cung cấp điện	3510

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: **tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.**

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
*Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/*Governance model*. Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 1 chủ tịch và 2 thành viên

Ban Kiểm soát : 03 người

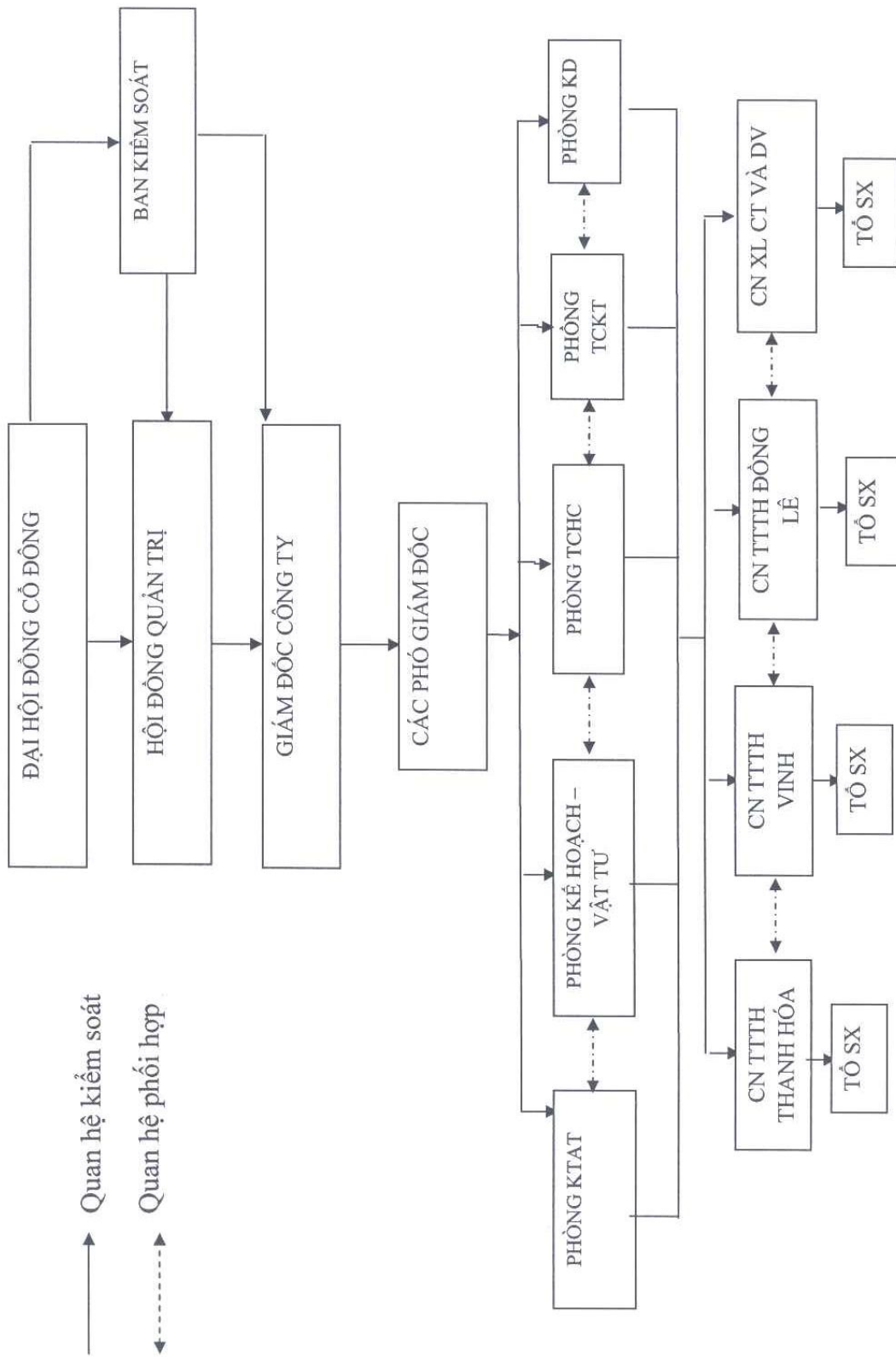
Ban điều hành : 3 người (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)

Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

Các Chi nhánh: CN TTTH Thanh Hóa, CN TTTH Vinh, CN TTTH Đồng Lê, CN Xây lắp công trình và Dịch vụ.

Các Tổ Sản xuất.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*:



4. Định hướng phát triển/ Development orientations

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Về hoạt động kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu ngoài SCTX đạt từ 45% đến 50% tổng doanh thu,
- Về quản lý doanh nghiệp: có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, áp dụng các công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất lao động và quản trị doanh nghiệp
- Về nguồn nhân lực: xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, nhiệt huyết công việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực.
- Về cổ đông: thực hiện minh bạch, hiệu quả trong khâu quản lý, trả cổ tức cho các cổ đông từ 10%-11%/năm trở lên, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Về nghĩa vụ với nhà nước: thực hiện nộp đúng, đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí với nhà nước theo quy định, thực hiện công bố thông tin nhanh chóng, kịp thời.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;
- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;
- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTD, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các ĐN CBTD; Tiếp tục hợp đồng lắp đặt hệ thống giám sát tín hiệu đường ngang CBTD cho các công ty trong ngành đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó tận dụng nguồn cho thuê sử dụng KCHT ĐS được Tổng công ty phân bổ hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;
- Thay đổi và có sự khác biệt hóa trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:
- Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, dự án đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông, dự án đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên...
- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED cho các đơn vị trong hoặc ngoài ngành: Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt thuộc chi nhánh khai thác Hà Thanh và Nghệ Tĩnh; Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống tại khu vực Thanh Hóa, Vinh, Hương Phố, Đồng Lê ...v.v;
- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.
- Tận dụng lợi thế về đất đai để đầu tư kinh doanh mở rộng sản xuất.

b. Giải pháp về nguồn vốn

Huy Động Vốn:

- Chỉ thi công các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng có nguồn vốn rõ ràng;
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt để nghiệm thu, thanh toán các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng trong và ngoài vốn SNKT;
- Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng.
- Liên doanh liên kết tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay.

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế hơn nữa. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá Bảo dưỡng TXĐK, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh;
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án công trình, sản phẩm dịch vụ trúng thầu hoặc được giao;
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh với công nghệ và kỹ thuật xây dựng, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;
- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty quản lý.

e. Giải pháp về lao động tiền lương

Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;
- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; nhân viên bán hàng giỏi...vv;

Về chính sách tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
 - Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; lấy đơn giá tiền lương thực tế theo áp dụng khoa học kỹ thuật và dụng cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.
 - Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các CN theo nhiệm vụ được giao;
 - Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh bán hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư rõ ràng;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh bán hàng;
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, nước ngoài;
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;
- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình trong và ngoài ngành.
- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTTT đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED; Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt, sân bay...vv. Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống ; liên doanh, liên kết xây dựng các khu chung cư cao tầng...;
- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro/ Risks:

- **Rủi ro kinh tế:** Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước.
- **Rủi ro pháp lý:** Các cơ sở pháp lý từ năm 2017 có nhiều thay đổi do các chính sách của nhà nước về quản lý thuế, bảo hiểm, ngân hàng có sự thay đổi.
- **Rủi ro cạnh tranh:** Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối danh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần “thay máu” cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

	Chỉ tiêu	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.742.518.765	75.866.421.376
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.742.518.765	75.866.421.376
4.	Giá vốn hàng bán	86.107.354.666	66.669.564.306
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.635.164.099	9.196.857.070
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	480.416.207	228.243.095
7.	Chi phí tài chính	9.925.289	37.555.551
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>9.925.289</i>	<i>37.555.551</i>
8.	Chi phí bán hàng	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.955.955.142	6.456.080.136
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.149.699.875	2.931.464.478
11.	Thu nhập khác	114.585.007	-
12.	Chi phí khác	61.614.700	39.063.164
13.	Lợi nhuận khác	52.970.307	(39.063.164)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.202.670.182	2.892.401.314
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	652.856.976	578.480.262
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.549.813.206	2.313.921.052
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941	1.761
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.941	1.761

- Công ty hoàn thành vượt mức doanh thu so với năm 2016 và so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, nguyên nhân do:

- Hoạt động sản xuất chính tăng vượt mức so với năm 2016 : trong năm 2017 công ty tập trung hoàn thành khối lượng sửa chữa thường xuyên và sửa chữa định kỳ, khắc phục hậu quả do thiên tai bão lũ kịp thời, tăng từ 51,62 tỷ năm 2016 lên 65,79 tỷ năm 2017 (tăng 27%).
- Hoạt động sản xuất phụ cũng có sự tăng trưởng vượt trội khi tăng trưởng hơn so với năm 2016 khi tăng từ 24,24 tỷ năm 2016 lên 27,95 tỷ năm 2017 (tăng 15%).
- Lợi nhuận tăng trưởng vượt mức kể cả so với kế hoạch và so với cùng kỳ.

So với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, công ty đã hoàn thành vượt mức sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Với bước đầu nhiều khó khăn và thách thức như trên, kết quả kinh doanh năm 2017 đã cho thấy sự cố gắng không ngừng của ban điều hành và

toàn thể cán bộ nhân viên công ty, hứa hẹn một giai đoạn mới nhiều thành công trong tương lai.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors:*

2.1. Ban giám đốc

a. Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Cảnh Tùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/01/1969
Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thông tin tin hiệu-Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 02/1993 đến tháng 03/1997: Cán bộ kỹ thuật tại Xí nghiệp TTTH Cầu Giát thuộc công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 4/1997 đến tháng 2/2002: Hạt trưởng Hạt TTTH Đồng Lê thuộc công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 03/2002 đến tháng 06/2008: Hạt trưởng Hạt TTTH Vinh thuộc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 07/2008 đến tháng 07/2014: Trưởng phòng KHKD thuộc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 08/2014 đến tháng 11/2015: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 12/2015 đến nay: Giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 409.482 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 74.463 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 335.019 cổ phần

b. Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hưng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/07/1965
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tự động hóa
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt TTTT Đồng Lê - Từ tháng 4/1992 đến tháng 10/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt Nghệ Tĩnh 1. - Từ tháng 11/1992 đến tháng 6/1998: Kỹ thuật viên tín hiệu Hạt TTTT Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 7/1998 đến tháng 4/2003: Hạt trưởng Hạt TTTT Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 5/2003 đến tháng 5/2009: Phó phòng kỹ thuật công ty TTTT ĐS Vinh - Từ tháng 6/2009 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTT ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.000 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 6.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

c. Ông Lê Thành Nam – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Lê Thành Nam
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 17/04/1958
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư thông tin
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 02/1982 đến tháng 08/1993: Kỹ thuật viên, Hạt phó, Hạt trưởng Hạt TTTT Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 09/1993 đến tháng 03/2011: Trưởng phòng TCLD Công ty TTTT ĐS Vinh.

	- Từ tháng 03/2011 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 3.400 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 3.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Lê Thị Tú Anh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 15/07/1966
Nơi sinh	: Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/1990 đến tháng 9/2002: Nhân viên kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Vinh - Từ tháng 10/2002 đến tháng 11/2003: Phó phòng tài chính Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh - Từ tháng 8/2007 - Nay: Kế toán trưởng UV BCH Đảng ủy, UVBCH công đoàn công ty thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 72.151 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 72.151 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 300 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận.

- Áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2016 là 2,7 triệu/tháng

3. Tình hình tài chính/ Financial situation

a. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chi tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2017 (VNĐ)	Năm/Year 2016 (VNĐ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	63.706.837.866	44.551.262.892	43,00
Doanh thu thuần/Net revenue	93.742.518.765	75.866.421.376	23,56
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	3.149.699.875	2.931.464.478	7,44
Lợi nhuận khác/ Other profits	52.970.307	(39.063.164)	235,60
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	3.202.670.182	2.892.401.314	10,73
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	2.549.813.206	2.313.921.052	10,19
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio (Dự kiến)	60%	60%	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2017	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,173	1,193	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	1,078	1,059	

<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,750	0,653	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	3,002	1,883	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	20,453	14,640	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,027	0,030	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,194	0,176	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,040	0,052	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,034	0,039	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a. *Cổ phần/Shares:* .

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần	: 1.313.800
Loại cổ phần	: phổ thông
Trong đó	:
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	: 1.234.972
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 78.828

b. *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:*

Diễn giải		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Phân theo tỷ lệ sở hữu		1.313.800	100,00%
Cổ đông lớn	:	920.046	70,03%
Cổ đông nhỏ	:	393.754	29,97%
Phân theo tổ chức/cá nhân		1.313.800	100,00%
Cổ đông tổ chức	:	670.038	51,00%
Cổ đông cá nhân	:	643.762	49,00%
Phân theo yếu tố nước ngoài		1.313.800	100,00%
Cổ đông trong nước	:	1.313.800	100,00%
Cổ đông nước ngoài	:	-	0,00%
Phân theo yếu tố nhà nước		1.313.800	100,00%
Cổ đông nhà nước	:	670.038	51,00%
Cổ đông khác	:	643.762	49,00%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với...	
				Kỳ báo cáo	Cùng Kỳ	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	87.889	103.771	83.704	124	118
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	79.899	94.338	76.095	124	118
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	79.899	93.743	75.866	124	117
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	-	480	228	210	
3	Thu nhập khác	Tr.đ	-	115	-		
III	Tổng chi phí	Tr.đ	76.750	91.135	73.202	124	119
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.037	3.203	2.892	111	105
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.429	2.550	2.314	110	105

Về doanh thu:

Năm 2017 đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty TTTT ĐS Vinh khi đạt mốc sản lượng trên 100 tỷ đồng, vượt mức 18% so với kế hoạch và vượt 24% so với cùng kỳ. Trong 3 hoạt động hình thành nên doanh thu của công ty, hoạt động sản xuất chính tăng trưởng vượt trội khi vượt mức 17% so với kế hoạch do ĐHD CD đề ra. Doanh thu hoạt động tài chính cùng tăng trưởng gấp đôi so với cùng kỳ.

Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, tăng 5% so với kế hoạch và hơn 10% so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Tăng (giảm) (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số cuối năm	Số đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	56.033.255.791	34.702.198.407	61	88	78	10
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.345.425.210	2.160.212.629	240	12	5	7
Các khoản phải thu ngắn hạn	44.150.893.407	28.659.050.773	54	69	64	5
Hàng tồn kho	4.536.937.174	3.882.935.005	17	7	9	-2
TSNH khác	0	0		0	0	0
Tài sản dài hạn	7.673.582.075	9.849.064.485	-22	12	22	-10
Tài sản cố định hữu hình	7.022.431.514	8.546.763.364	-18	11	19	-8
Tài sản dài hạn khác	651.150.561	1.302.301.121	-50	1	3	-2
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	63.706.837.866	44.551.262.892	43	100	100	0

Tổng tài sản của công ty trong năm vừa qua tăng 43%, trong đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn. Cơ cấu tài sản của công ty vẫn biến động theo chiều hướng tăng trưởng tài sản ngắn hạn. Tỷ trọng tài sản dài hạn giảm do công ty vẫn chưa có kế hoạch đầu tư tài sản cố định.

b. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	47.787.632.555	29.099.341.840	18.688.290.715	64%

Nợ dài hạn	-	-	0	
TỔNG CỘNG	47.787.632.555	29.099.341.840	18.688.290.715	

Nợ phải trả hiện tại của công ty là hơn 47 tỷ đồng, chiếm 75% tổng nguồn vốn, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn, trong đó chủ yếu là phải trả người lao động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management:

Trong năm 2017, công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, hiện đại hóa công tác quản lý bằng những biện pháp hợp lý:

- Xây dựng phần mềm quản lý tiền lương mới, cập nhật và đưa vào sử dụng hệ thống giám sát đường ngang mới, xây dựng định mức tiền điện, tiền nhiên liệu chạy máy nổ... để tiến tới giao khoán cho các đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông tin tin hiệu do các kỹ sư giàu kinh nghiệm trong công ty trực tiếp truyền đạt cho các công nhân mới vào, tay nghề còn thấp.
- Tiếp cận với các nguồn nhân công thời vụ giá rẻ để vừa tăng tính cơ động cho công việc, vừa hoàn thành khối lượng công việc được giao, đặc biệt trong các thời điểm gấp rút như khi xảy ra thiên tai bão lũ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Năm 2017 đánh dấu sản lượng của công ty đạt mốc 100 tỷ đồng, là một mốc son trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty. Tuy nhiên, tính hình thực tế đặt ra nhiều lợi thế và cũng nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Lợi thế: từ năm 2017 ngành đường sắt có dấu hiệu tăng trưởng và đạt được nhiều sự quan tâm hơn từ các cơ quan nhà nước. Nhiều dự án đầu tư cho ngành đường sắt được hoạch định và thực hiện như dự án đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông, dự án đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên,...
- Thách thức: Sản lượng năm 2017 của công ty đạt trên 100 tỷ cũng đặt công ty trước một thách thức không nhỏ khi cơ cấu sản lượng năm 2017 của công ty có một phần

không nhỏ từ hoạt động cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ. Trong năm 2018 công ty phải có những chiến lược đúng đắn mới có thể đảm bảo được tăng trưởng bền vững.

Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới và tình hình kinh doanh của năm 2017 đã qua, các công việc trọng tâm trong năm 2018 như sau:

- Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình tập trung, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đạt hiệu quả công việc lên hàng đầu.
- Về chi phí: Cơ cấu lại hệ thống chi phí, kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận, tăng giá trị doanh nghiệp. Tiến tới giao khoán cho các chi nhánh trực thuộc tự chủ một phần về chi phí.
- Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề mũi nhọn vẫn là công tác duy tu sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia, tuy nhiên tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phấn đấu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 50% doanh thu. Tích cực quảng cáo, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.
- Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.
- Về công nghệ: áp dụng công nghệ như phần mềm chấm công và tính lương, phần mềm quản lý công trình, quản lý kế hoạch, phần mềm quản lý phòng máy từ xa,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Trong năm 2017, sản lượng và doanh thu đều rất khả quan và có sự tăng trưởng vượt trội so với kế hoạch giao và so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế cũng hoàn thành

vượt mức 5%, cho thấy sự cố gắng của Ban giám đốc trong hoạt động kinh doanh và mở rộng thị trường.

Tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>(Short term Asset/Short term debt)</i>	1,17	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,08	1,06	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,75	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	3,00	1,88	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	20,45	14,64	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,19	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,05	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,03	0,04	

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 và có xu hướng tăng, cho thấy khả năng thanh toán của công ty đang phát triển theo chiều hướng tích cực.
- Cơ cấu vốn: qua một năm cơ cấu nợ của công ty biến động theo xu hướng tăng tỷ trọng nợ phải trả, chứng tỏ công ty đang chiếm dụng vốn để tài trợ cho tài sản của mình
- Năng lực hoạt động thể hiện ở vòng quay hàng tồn kho: Với đặc điểm là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hàng tồn kho (bao gồm các chi phí của các công trình dở dang chưa hoàn thành) thường chiếm tỷ trọng lớn, và tính thanh khoản của khoản mục này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho cuối năm 2017 so với đầu năm có xu hướng tăng, cho thấy việc quản lý tính thanh khoản của các công trình dở dang, công ty đang thực hiện rất tốt.
- Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời rất khả quan khi hầu như các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận đều bằng hoặc cao hơn năm trước. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông và hình ảnh của công ty trên thị trường chứng khoán là ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) và ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) có chiều hướng tăng so với năm trước, cho thấy lợi ích của cổ đông vẫn được đảm bảo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:

Trong năm 2017, ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong việc ổn định hoạt động của công ty trong bối cảnh hoạt động của công ty gặp nhiều vướng mắc và khó khăn trong mô hình mới.

Ban giám đốc đã có những công tác cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả những phương hướng, nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Về vận hành, tác nghiệp, nhìn chung được thực hiện quy chuẩn, phân chia trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, tuân thủ quy trình vận hành và đảm bảo phục vụ các đối tác với chất lượng tốt nhất.

Về hoạt động kinh doanh, HĐQT ghi nhận những cố gắng của ban giám đốc trong việc triển khai các biện pháp tăng trưởng doanh thu và mở rộng thị trường như: tích cực tham gia đấu thầu, tìm kiếm đối tác hợp tác, liên danh với các công ty trong ngành,...

Tóm lại, trong năm 2017, ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Trên cơ sở những thành quả đạt được cũng như các vấn đề còn tồn tại trong năm 2017, với nhận định nền kinh tế còn nhiều biến động và khó khăn, mặc dù công ty đã vượt qua được những khó khăn trước mắt nhưng để tồn tại và phát triển ổn định, HĐQT xác định phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

- Tích cực tiết kiệm chi phí, đặc biệt là các khoản chi phí nằm trong chi phí chung; Tiến tới thực hiện khoán chi phí sản xuất cho các chi nhánh trực thuộc.
- Mở rộng sản xuất đa dạng hóa ngành nghề sang các lĩnh vực công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, đặc biệt thúc đẩy kinh doanh dịch vụ do đây là ngành có tỷ suất sinh lợi cao;
- Mở rộng đầu tư từ nguồn khấu hao do xác định lại giá trị doanh nghiệp; đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị góp phần tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu công trình dự án.
- Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp: bắt đầu từ nâng cao chất lượng lao động, đào tạo lao động chuyên nghiệp, năng động, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc cởi mở, thân thiện;
- Tích cực tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTHH đường sắt, các gói thầu đường sắt nội đô TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn 2017-2020, gói thầu đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên,...

V. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions:*

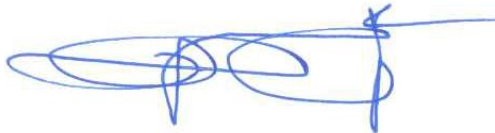
Trích ý kiến kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán độc lập số 221/2018/BCKT-PB.00091 phát hành bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 22/02/2018:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017/*Audited financial statements:* chi tiết vui lòng xem trong bản đính kèm báo cáo này.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
*CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE***

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



Nguyễn Cảnh Tùng

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc;
- Ủy ban CKNN, Sở GDCKHN;
- Website công ty;
- Lưu: P. TCKT.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Duy Sâm	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Giám đốc
Ông Lê Thành Nam	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

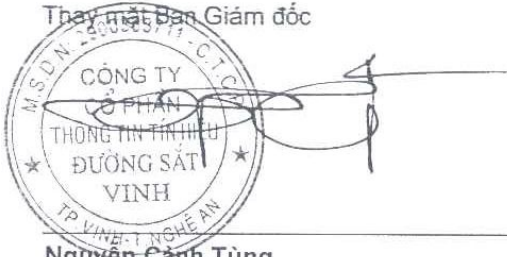
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH
Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tùng

Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Số: 221/2018/BCKT-PB.00091

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Lê Viết Cường".

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.033.255.791	34.702.198.407
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.345.425.210	2.160.212.629
1. Tiền	111		7.283.094.212	2.160.212.629
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.330.998	-
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.150.893.407	28.659.050.773
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	39.790.582.651	26.274.736.856
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.180.516.880	1.460.716.880
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.303.456.576	1.010.160.927
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(123.662.700)	(86.563.890)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	4.536.937.174	3.882.935.005
1. Hàng tồn kho	141		4.536.937.174	3.882.935.005
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.673.582.075	9.849.064.485
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		7.022.431.514	8.546.763.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	7.022.431.514	8.546.763.364
- Nguyên giá	222		22.921.671.600	22.921.671.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.899.240.086)	(14.374.908.236)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		651.150.561	1.302.301.121
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	651.150.561	1.302.301.121
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.706.837.866	44.551.262.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		47.787.632.555	29.099.341.840
I/ Nợ ngắn hạn	310		47.787.632.555	29.099.341.840
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	9.217.057.777	6.109.873.399
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.326.957.442	2.120.265.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.518.802.883	2.133.476.241
4. Phải trả người lao động	314		24.897.870.549	15.435.674.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	818.000.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.10	131.563.635	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	296.538.375	572.233.526
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	5.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		121.181.252	235.766.259
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.359.660.642	2.492.052.958
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.919.205.311	15.451.921.052
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.15	15.919.205.311	15.451.921.052
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.138.000.000	13.138.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.138.000.000	13.138.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.392.105	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.549.813.206	2.313.921.052
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.549.813.206	2.313.921.052
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.706.837.866	44.551.262.892



Nguyễn Cảnh Tùng
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Phan Minh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Đơn vị tính: VND
				Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	93.742.518.765	75.866.421.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.742.518.765	75.866.421.376
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	86.107.354.666	66.669.564.306
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.635.164.099	9.196.857.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	480.416.207	228.243.095
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.925.289	37.555.551
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.925.289	37.555.551
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.955.955.142	6.456.080.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.149.699.875	2.931.464.478
11. Thu nhập khác	31	6.6	114.585.007	-
12. Chi phí khác	32	6.7	61.614.700	39.063.164
13. Lợi nhuận khác	40		52.970.307	(39.063.164)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.202.670.182	2.892.401.314
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	652.856.976	578.480.262
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.549.813.206	2.313.921.052
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.941	1.761
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.941	1.761



Nguyễn Cảnh Tùng
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Phan Minh Cường
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Năm 2017	Đơn vị tính: VND
			Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	87.862.971.976	84.632.335.705
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(34.723.094.257)	(32.091.857.977)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(50.391.542.421)	(47.464.619.396)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.925.289)	(37.555.551)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(1.035.696.053)	(683.495.087)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.972.721.822	1.172.894.661
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.970.639.404)	(15.635.465.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(295.203.626)	(10.107.763.584)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	480.416.207	228.243.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	480.416.207	228.243.095
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.856.157.942	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.856.157.942)	(6.999.999.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.000.000.000	(4.999.999.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.185.212.581	(14.879.519.751)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.160.212.629	17.039.732.380
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.345.425.210	2.160.212.629



Nguyễn Cảnh Tùng
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Phan Minh Cường
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900383711 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/05/1998, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/01/2016.

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 12/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900383711.

Trụ sở chính của Công ty tại số 25B đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 02 ngày 12/01/2016 là 13.138.000.000 đồng (Mười ba tỷ, một trăm ba mươi tám triệu đồng).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia về thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông và điều khiển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Tư vấn thiết kế công trình thông tin tín hiệu đường sắt;
- Giám sát xây dựng và lắp đặt công trình thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về dân dụng và công nghiệp, hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét, đường dây và trạm biến áp đến 35Kv, công trình điện hạ thế, điện chiếu sáng, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học;
- Lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt, đường bộ;
- Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tín hiệu và truyền thống.

1.3 Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Thông tin Tín hiệu Vinh	Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; Tham gia xây dựng các công trình; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai bão lụt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- | | | |
|--|--|---|
| - Chi nhánh Thông tin Tín hiệu Thanh Hóa | Số 61, đường Triệu Quốc Đạt, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | Quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; Tham gia xây dựng các công trình; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai bão lụt. |
| - Chi nhánh Xây lắp Công trình & Dịch vụ | Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An | Quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; Tham gia xây dựng các công trình; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai bão lụt. |
| - Chi nhánh Thông tin Tín Hiệu Đồng Lê | Thị trấn Đồng Lê, tỉnh Quảng Bình | Quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; Tham gia xây dựng các công trình; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai bão lụt. |

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	02 - 08 năm

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 2354/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định bất động sản đầu tư lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí lãi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	43.150.771	24.262.793
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.239.943.441	2.135.949.836
Các khoản tương đương tiền	62.330.998	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	62.330.998	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thành phố Vinh	62.330.998	-
Cộng	7.345.425.210	2.160.212.629

(i) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,4%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam(i)	19.450.156.720	-	10.779.265.126	-
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	7.917.360.537	-	2.342.792.606	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Đầu tư 120(ii)	1.352.882.000	-	1.352.882.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	-	-	309.382.665	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.645.430.987	-	2.227.145.195	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	65.492.000	-	700.467.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	-	-	533.359.572	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt	1.500.000.000	-	2.067.529.000	-
Công ty TNHH Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	724.729.370	-	2.457.753.919	-
Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	2.349.012.288	-	-	-
Ban QLĐTXD Đô thị mới xã Thái Hóa	88.113.700	(88.113.700)	88.113.700	(61.679.590)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Phú Gia	35.549.000	(35.549.000)	35.549.000	(24.884.300)
Các đối tượng khác	4.661.856.049	-	3.380.497.073	-
Cộng	39.790.582.651	(123.662.700)	26.274.736.856	(86.563.890)

(i) Khoản phải thu về các công trình sửa chữa thường xuyên và các công trình khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(ii) Trong điều khoản thanh toán hợp đồng 10/2015/HĐTP-TCXDCT quy định, Bên A (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình và Đầu tư 120) sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được tiền của Chủ đầu tư.

Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ban QLĐTĐXD đô thị mới xã Thái Hóa	88.113.700	-	88.113.700	26.434.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Phú Gia	35.549.000	-	35.549.000	10.664.700
Cộng	123.662.700	-	123.662.700	37.098.810

5.2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	19.450.156.720	-	10.779.265.126	-
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	7.917.360.537	-	2.342.792.606	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt	582.779.008	-	582.779.008	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	-	-	309.382.665	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.645.430.987	-	2.227.145.195	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	65.492.000	-	700.467.000	-
Xí nghiệp Đầu máy Vinh	-	-	6.319.500	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	-	-	533.359.572	-
Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	2.349.012.288	-	-	-
Cộng	32.010.231.540	-	17.481.510.672	-

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Lộc An	1.180.516.880	-	1.180.516.880	-
Xí nghiệp 2 - Công ty Cổ phần Naconex	-	-	280.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	200.000	-
Cộng	1.180.516.880	-	1.460.716.880	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Kỳ quỹ, ký cược	2.500.783.864	-	691.478.000	-
Phải thu là các đối tượng khác	802.672.712	-	318.682.927	-
Tam ứng cho CBCNV	798.435.562	-	281.923.567	-
Tiền điện TB các trạm TT DA	-	-	36.759.360	-
HĐH Vinh - Sài Gòn				
Bảo hiểm xã hội	4.237.150	-	-	-
Cộng	3.303.456.576	-	1.010.160.927	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	180.000.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	714.254.122	-	299.022.540	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.311.549.292	-	3.470.463.390	-
Hàng hóa	331.133.760	-	113.449.075	-
Cộng	4.536.937.174	-	3.882.935.005	-

Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án Hiện đại hóa Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội - Vinh	1.861.290.429	2.053.346.900
Di chuyển Thông tin Tín hiệu Đường sắt 143+650, Giải phóng mặt bằng Dự án Cầu vượt Bim Sơn-Phổ Cát	-	318.197.709
Di chuyển Thông tin Tín hiệu Đường sắt từ cột 2599 - 2602 Khu Gian- Mỹ Lý- Quán Hành ,Giải phóng mặt bằng Dự án Cầu Vượt (Nghị Lộc) 534 Km 307	357.544.324	315.319.540
Công trình di chuyển Thông tin Tín hiệu phục vụ thi công Cầu vượt Đường ngang QL48	248.459.411	18.473.948
Các công trình khác	844.255.128	765.125.293
Cộng	3.311.549.292	3.470.463.390

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH

Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
	NGUYÊN GIÁ					
	Số dư tại 01/01/2017	13.364.350.086	2.141.554.546	5.341.524.159	2.074.242.809	22.921.671.600
	Số dư tại 31/12/2017	13.364.350.086	2.141.554.546	5.341.524.159	2.074.242.809	22.921.671.600
	GIÁ TRỊ HAO MÒN					
	Số dư tại 01/01/2017	7.370.842.390	1.579.585.446	3.875.660.631	1.548.819.769	14.374.908.236
	Khấu hao trong năm	835.351.362	170.109.747	349.419.122	169.451.619	1.524.331.850
	Số dư tại 31/12/2017	8.206.193.752	1.749.695.193	4.225.079.753	1.718.271.388	16.899.240.086
	GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	Số dư tại 01/01/2017	5.993.507.696	561.969.100	1.465.863.528	525.423.040	8.546.763.364
	Số dư tại 31/12/2017	5.158.156.334	391.859.353	1.116.444.406	355.971.421	7.022.431.514

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	651.150.561	1.302.301.121
Cộng	651.150.561	1.302.301.121

(*) Lợi thế kinh doanh theo Quyết định số 2354/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh.

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Thương mại - Kỹ thuật điện Điện tử Hùng Vương	239.709.580	239.709.580	1.306.648.072	1.306.648.072
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Công trình 179	397.551.097	397.551.097	644.822.600	644.822.600
Công ty Cổ phần Uyên Việt	120.450.000	120.450.000	703.341.787	703.341.787
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hòa Lục	14.124.000	14.124.000	866.365.500	866.365.500
Công ty Cổ phần Thiên Mã	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Tín hiệu (Comsig)	982.806.000	982.806.000	12.184.920	12.184.920
Công ty Cổ phần Công nghiệp Phương Nam	386.325.500	386.325.500	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà An	434.326.602	434.326.602	-	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Xuân Thiết	397.817.284	397.817.284	-	-
Các đối tượng khác	3.471.947.714	3.471.947.714	2.576.510.520	2.576.510.520
Cộng	9.217.057.777	9.217.057.777	6.109.873.399	6.109.873.399

5.9 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền thuê đất khu đất 25B Lê Ninh năm 2016-2017	818.000.000	-
Cộng	818.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Cho thuê dịch vụ vận hành máy FPT HP	27.927.272	-
Cho thuê dịch vụ vận hành máy FPT BS	40.000.000	-
Cho Công ty FPT Nghệ An thuê văn phòng	9.090.909	-
Cho thuê mặt bằng xây dựng cột ăngten	54.545.454	-
Cộng	131.563.635	-

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.947.571	52.947.571	24.730.578	24.730.578
Bảo hiểm xã hội	-	-	23.568.280	23.568.280
Bảo hiểm y tế	-	-	37.434.275	37.434.275
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	7.888.464	7.888.464
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	180.463.492	180.463.492
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.590.804	243.590.804	298.148.437	298.148.437
<i>Phải trả tiền điện, nước, điện thoại</i>	<i>37.274.804</i>	<i>37.274.804</i>	<i>41.321.841</i>	<i>41.321.841</i>
<i>Phải trả tiền bảo dưỡng luồng E1</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>96.205.200</i>	<i>96.205.200</i>
<i>Phải trả tiền thuế đất</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.633.100</i>	<i>18.633.100</i>
<i>Phải trả tiền nhiên liệu chạy máy nổ, xe ô tô</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>16.995.296</i>	<i>16.995.296</i>
<i>Phải trả tiền thuê hỗ trợ kỹ thuật định kỳ các thiết bị truyền dẫn SDH</i>	<i>206.316.000</i>	<i>206.316.000</i>	<i>124.993.000</i>	<i>124.993.000</i>
Cộng	296.538.375	296.538.375	572.233.526	572.233.526

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường	263.636.364	263.636.364	263.636.364	263.636.364
Ban điều hành Dự án gói thầu CP1A-Cienco1	157.154.000	157.154.000	157.154.000	157.154.000
Các đối tượng khác	906.167.078	906.167.078	1.699.474.997	1.699.474.997
Cộng	1.326.957.442	1.326.957.442	2.120.265.361	2.120.265.361

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH
Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.941.337.966	5.015.511.116	6.269.627.248	-	1.017.221.034	-	446.254.407	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	63.415.330	1.035.696.053	652.856.976	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	614.049.587	423.361.511	1.037.411.098	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	3.618.802.883	6.474.568.680	7.959.895.322	-	2.133.476.241	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Vay và nợ thuế tài chính

5.14.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nghệ An	-	-	1.856.157.942	1.856.157.942	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	6.856.157.942	1.856.157.942	-	-

(i) Hợp đồng vay vốn số 375/2017/HDVV từ ngày 27/09/2017 đến hết ngày 31/12/2017 với lãi suất 0%/tháng, mục đích sử dụng: Thanh toán chi phí công tác cứu chữa, khắc phục bước 1 hậu quả cơn bão số 2 ngày 16/07/2017 và cơn bão số 10 từ ngày 14/09/2017 đến ngày 16/09/2017 gây ra trên địa bàn Công ty quản lý.

5.14.2 Vay ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 12/01/2016	13.138.000.000	-	-	13.138.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	2.313.921.052	2.313.921.052
Số dư tại 31/12/2016	13.138.000.000	-	2.313.921.052	15.451.921.052
Số dư tại 01/01/2017	13.138.000.000	-	2.313.921.052	15.451.921.052
Lãi trong năm nay	-	-	2.549.813.206	2.549.813.206
Phân phối lợi nhuận(i)	-	231.392.105	(2.313.921.052)	(2.082.528.947)
Số dư tại 31/12/2017	13.138.000.000	231.392.105	2.549.813.206	15.919.205.311

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 257/NQ-ĐHĐCĐ.2017 ngày 26/04/2017 như sau:

	Năm 2016 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	231.392.105
Trích quỹ phúc lợi	639.990.947
Trích quỹ thường ban quản lý điều hành	115.600.000
Chia cổ tức	1.326.938.000
Tổng	2.313.921.052

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	13.138.000.000	13.138.000.000
Vốn góp cuối năm	13.138.000.000	13.138.000.000
Cổ tức đã chia	1.326.938.000	-

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	670.038	6.700.380.000	51%	670.038	6.700.380.000	51%
Ông Nguyễn Duy Sâm	103.394	1.033.940.000	8%	103.394	1.033.940.000	8%
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	74.463	744.630.000	6%	74.463	744.630.000	6%
Bà Lê Thị Tú Anh	72.151	721.510.000	5%	72.151	721.510.000	5%
Các cổ đông khác	393.754	3.937.540.000	30%	393.754	3.937.540.000	30%
Cộng	1.313.800	13.138.000.000	100%	1.313.800	13.138.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.313.800	1.313.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.313.800	1.313.800
Cổ phiếu phổ thông	1.313.800	1.313.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.313.800	1.313.800
Cổ phiếu phổ thông	1.313.800	1.313.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.742.518.765	75.866.421.376
Cộng	93.742.518.765	75.866.421.376

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	3.050.665.716	-
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	265.789.545	48.225.000
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	53.000.000	34.586.363
Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	6.372.878.393	92.922.934
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	59.538.182	636.788.182
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.520.166.176	2.208.770.684
Tổng Công ty Đường sắt Việt nam	67.773.911.635	53.125.863.206
Xí nghiệp Đầu máy Vinh	13.945.000	19.365.000
Xí nghiệp Xây lắp Công trình Giao thông- Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	1.706.733.234	-
Cộng	80.816.627.881	56.166.521.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	86.107.354.666	66.669.564.306
Cộng	86.107.354.666	66.669.564.306

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	480.416.207	228.243.095
Cộng	480.416.207	228.243.095

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	9.925.289	37.555.551
Cộng	9.925.289	37.555.551

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.545.944.131	3.900.778.239
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.410.011.011	2.555.301.897
Cộng	4.955.955.142	6.456.080.136

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Hoàn nhập trích lập dự phòng bảo hành công trình do hết thời gian bảo hành	114.585.007	-
Cộng	114.585.007	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.7 Chi phí khác

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giảm trừ quyết toán công trình "Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các đường ngang"	61.614.700	39.063.164
Cộng	61.614.700	39.063.164

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.202.670.182	2.892.401.314
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	61.614.700	-
Các khoản điều chỉnh tăng	61.614.700	-
Các khoản chi phí không được trừ	61.614.700	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.264.284.882	2.892.401.314
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	652.856.976	578.480.262

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.549.813.206	2.313.921.052
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.549.813.206	2.313.921.052
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.313.800	1.313.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941	1.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.549.813.206	2.313.921.052
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.549.813.206	2.313.921.052
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.313.800	1.313.800
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.941	1.761

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ 12/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.674.948.639	17.880.399.895
Chi phí nhân công	54.865.043.713	41.250.142.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.445.011.775	1.737.791.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.118.505.285	4.333.053.936
Chi phí khác bằng tiền	4.824.271.964	4.987.781.575
Cộng	90.927.781.376	70.189.169.863

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	Giá gốc	31/12/2017	Giá gốc	01/01/2017
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.345.425.210	-	2.160.212.629	-
Phải thu khách hàng	39.790.582.651	(123.662.700)	26.274.736.856	(86.563.890)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	3.296.016.653	-	1.010.160.927	-
	50.432.024.514	(123.662.700)	29.445.110.412	(86.563.890)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính:		
Vay và nợ	5.000.000.000	-
Phải trả người bán	9.217.057.777	6.109.873.399
Chi phí phải trả	818.000.000	-
Phải trả khác	682.038.375	572.233.526
	15.717.096.152	6.682.106.925

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính-khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.345.425.210	-	-	7.345.425.210
Phải thu khách hàng	39.666.919.951	-	-	39.666.919.951
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	3.296.016.653	-	-	3.296.016.653
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	50.308.361.814	-	-	50.308.361.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chức năng tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.160.212.629	-	-	2.160.212.629
Phải thu khách hàng	26.188.172.966	-	-	26.188.172.966
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.010.160.927	-	-	1.010.160.927
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	29.358.546.522	-	-	29.358.546.522

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	9.217.057.777	-	-	9.217.057.777
Chi phí phải trả	818.000.000	-	-	818.000.000
Phải trả khác	682.038.375	-	-	682.038.375
Cộng	15.717.096.152	-	-	15.717.096.152
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán	6.109.873.399	-	-	6.109.873.399
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	572.233.526	-	-	572.233.526
Cộng	6.682.106.925	-	-	6.682.106.925

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.4 Thông tin về các bên liên quan

7.4.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	Đơn vị sự nghiệp
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Xí Nghiệp Đầu máy Vinh	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Công ty con trực thuộc Tổng Công ty

7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND
Ban Quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	
Tiền tạm ứng công trình xây lắp 21 Đường ngang	1.006.720.000
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	
Trả tiền dịch vụ thuê ngoài	9.211.135
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	
Bù trừ công nợ tiền khám chữa bệnh	9.000.000
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	
Chi phí thuê nhà cung dọc tuyến	344.269.424
Nhận tiền khen thưởng năm 2017	3.100.000
Nhận tiền bảo trì cho thuê cáp quang	1.272.163.006
Xí nghiệp Đầu máy Vinh	
Thu tiền bảo dưỡng sửa chữa điều hòa máy	21.659.000

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	1.351.320.002

7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 12/01/2016 đến ngày 31/12/2016 do từ ngày 12/01/2016 công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900383711.



Nguyễn Cảnh Tùng
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Phan Minh Cường
Người lập biểu

